

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC năm 2025

Đơn vị tính: nghìn đồng

| STT | Nội dung | Dự toán NSNN năm 2025 | | | | Kinh phí đã sử dụng | | | Dự toán còn lại | Ghi chú |
|------------|--|-----------------------|--|--|---------------------------|---------------------|--------------------|-----------------|-----------------|---------|
| | | Tổng số | Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm) | Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 | Dự toán bổ sung trong năm | Số đã chi trong kỳ | Lũy kế từ đầu năm | | | |
| 1 | | 3=4+5+6 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=3-8 | 10 | |
| | Tổng cộng | 24,757,445 | 21,977,000 | 839,515 | 1,940,930 | 24,670,738 | 24,670,738 | 86,707.5 | | |
| 1 | Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ | 20,570,000 | 19,820,000 | - | 750,000 | 20,570,000 | 20,570,000 | | | |
| 2 | Kinh phí không thường xuyên | 4,187,445 | 2,157,000 | 839,515 | 1,190,930 | 4,100,738 | 4,100,738 | 86,707.5 | | |
| 2.1 | Kinh phí mua sắm | 473,000 | 526,000 | - | 53,000 | 464,400 | 464,400 | 8,600 | Hủy nguồn | |
| | Mua 45 bộ máy vi tính để bàn phòng học tin | 473,000 | 526,000 | - | 53,000 | 464,400 | 464,400 | 8,600 | Hủy nguồn | |
| 2.2 | Kinh phí xây dựng, sửa chữa | 1,739,515 | 1,000,000 | 839,515 | 100,000 | 1,682,382 | 1,682,382 | 57,133 | | |
| 1 | Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh khu nhà bộ môn | 839,515 | | 839,515 | | 808,261 | 808,261 | 31,254 | Hủy nguồn | |
| 2 | Sửa chữa đường bê tông, sân bóng đá | 900,000 | 1,000,000 | - | 100,000 | 874,121 | 874,121 | 25,879 | Hủy nguồn | |
| 2.3 | Kinh phí đặc thù | 1,974,930.0 | 631,000.0 | - | 1,343,930 | 1,953,956 | 1,953,955.5 | 20,974.5 | | |
| 1 | Duy trì phần mềm quản lý tài sản | 3,000 | 3,000 | - | | | | 3,000 | Hủy nguồn | |
| 2 | Kinh phí thi tốt nghiệp | 201,713 | | | 201,713 | 201,713 | 201,713 | - | | |
| 3 | KP cấp bù miễn giảm học phí năm | 18,487.5 | 31,000 | - | 12,512.5 | 18,487.5 | 18,487.5 | - | | |
| 4 | Cấp bù học phí | 962,560 | | | 962,560 | 962,560 | 962,560 | - | | |
| 5 | KP hỗ trợ chi phí học tập năm học | 46,350 | 34,000 | - | 12,350 | 46,350 | 46,350 | - | | |
| 6 | Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật | 35,568 | 63,000 | - | 27,432 | 35,568 | 35,568 | - | | |
| 7 | KP chi trả cho người dạy hs khuyết | 707,252 | 500,000 | | 207,252 | 689,277 | 689,277 | 17,975 | Chuyển nguồn | |

Người lập biểu

Stuuu

Bùi Thị Thu Huyền

Kế toán

Stuuu

Bùi Thị Thu Huyền

Khánh Hội, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

